

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/HSST
Ngày: 03/01/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B – TỈNH BÌNH PHƯỚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Lượng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông: Lê Phương Ngọc

Bà: Điều Thị Hương

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hưng- Thư ký tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: bà Lê Thị Thanh Hiền, bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh – Kiểm sát viên.

Ngày 03/01/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B xét xử vụ án hình sự thụ lý số: 69/2019/HSST ngày 29 tháng 11 năm 2019, đối với các bị cáo:

1. Trần Văn M, sinh năm: 1997; Tên gọi khác: M Á Đù; HKTT: ấp 4, xã HP, huyện B, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá: 10/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Trần Văn T, sinh năm: 1977; Con bà: Nguyễn Thị H, sinh năm: 1977; Bị cáo có 03 người em, lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2015; Tiền án: Ngày 14/02/2017, bị Tòa án nhân dân huyện B xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 06/6/2019 đến nay (có mặt)

2. Phùng Mai T, sinh năm: 1987; Tên gọi khác: T Bàu; HKTT: KP. PV, phường PB, thị xã PL, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa; Con ông: Phùng Thanh D, sinh năm: 1957; Con bà: Võ Bạch M, sinh năm: 1965; Bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị Thúy Hiền, sinh năm: 1990; Bị cáo có 01 con nhỏ tên Phùng Cát L, sinh năm: 2008; Bị cáo có 01 người em sinh năm 1988; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 05/6/2019 đến nay (có mặt)

3. Nguyễn Đức C, sinh năm: 1993; Tên gọi khác: Không; HKTT: KP. 09, phường LP, thị xã PL, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá: 10/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Nguyễn Đức T (đã chết); Con bà: Cao Thị H, sinh năm: 1973; Bị cáo có vợ tên Lê Thị T, sinh năm: 1996; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 05/6/2019 đến nay (có mặt)

4. Lê Văn S, sinh năm: 1995; Tên gọi khác: Không; HKTT: tổ 07, KP. 08, phường LP, thị xã PL, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: S nước; Trình độ văn hoá: 06/12; Dân tộc:

Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Lê Văn C, sinh năm: 1971; Con bà: Nguyễn Thị B, sinh năm: 1973; Bị cáo có 01 người em sinh năm 1999; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 05/6/2019 đến nay (có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Mai Phạm C, sinh năm: 1989; HKTT: thôn S Hà 2, xã Bình S, huyện PR, tỉnh Bình Phước. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào khoảng 08 giờ ngày 05/6/2019, Phùng Mai T cùng với Nguyễn Đức C, Lê Văn S và Mai Phạm C thuê xe đi từ thị xã Phước Long qua huyện B để bỏ thuốc (do bị ngã gãy tay) cho T. Khi đến huyện B, nhóm của T vào nhà nghỉ Thu Hà thuộc ấp 7, xã TH, huyện B để thuê phòng nghỉ, T ở phòng số 2, C, S, Cường ở phòng số 1. Do có nhu cầu sử dụng ma túy nên T điện thoại cho Trần Văn M hỏi mua ma túy nhưng M không nghe máy. Vì vậy T đưa cho S 1.700.000 đồng (một triệu bảy trăm ngàn) và nói S đi với C đến nhà M (ở ấp Thanh T, thị trấn TB, huyện B) đưa cho M và lấy ma túy. C điều khiển xe mô tô chở S đến nhà M, C đứng ngoài, S đi lại cửa sổ nhà M, S hỏi “M ơi, anh T hỏi có đồ chưa?”, M trả lời “về đi, chiều mới có” nên S và C quay về nhà nghỉ đưa lại tiền cho T. Khoảng 13 giờ cùng ngày, T tiếp tục điện thoại cho M nói “có ra lấy tiền không cho anh đi bỏ thuốc, có đồ mang ra cứu anh một tý, cho anh mượn cái nồi luôn” (là T gọi M ra nhà nghỉ lấy tiền nợ trước đó, có ma túy thì đem ra bán thiếu cho T và lấy cho T mượn bộ dụng cụ sử dụng ma túy), M trả lời “em ra liền”. Lúc này, T nói C lấy tiền trong ví của T chờ khi nào M đến giao ma túy thì trả tiền cho M, C lấy 1.800.000 đồng (một triệu tám trăm ngàn) cất vào ví của C.

Khoảng 15 giờ cùng ngày, M lấy ma túy bỏ vào một bịch ny lông màu trắng và bộ dụng cụ sử dụng ma túy (01 hộp nhựa màu đen kích thước 15x5,5cm có ghi chữ mắt kính Sài Gòn, bên trong có 01 nắp nhựa màu đỏ có đục 02 lỗ nhỏ hình tròn, 01 ống nhựa màu trắng, 01 ống thủy tinh có 01 đầu hình tròn) đến phòng số 1 nhà nghỉ Thu Hà để bán cho T. T bỏ ma túy ra rồi T, M, C, Cường, S sử dụng, sử dụng xong T kêu C đưa tiền cho M, C đưa cho M 1.700.000 đồng (một triệu bảy trăm ngàn). T nói với M “anh còn 1.700.000đ (một triệu bảy trăm nghìn đồng) em cầm đỡ, anh đưa tiền thiếu, còn tiền đồ hôm nay để anh tính sau” (số tiền 1.700.000đ là số tiền trả nợ trước đó cho M, còn tiền ma túy hôm nay T thiếu), M lấy tiền và ra về. Nhóm T lại tiếp tục đồ ma túy ra cùng nhau sử dụng; phần ma túy còn lại T đựng vào bịch ny long hàn kín và đưa cho S; S giấu bịch ma túy vào trong nón và đội ở trên đầu.

Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, T, C, S và Cường trả phòng số 1 và chuyển qua ở phòng số 2. Lúc này, S lấy ma túy trong nón ra đổ vào bộ dụng cụ cho cả nhóm tiếp tục sử dụng, phần ma túy còn lại T đựng vào bịch ni long hàn kín và cất vào trong ví vải màu nâu của T để trên giường. Khoảng 20 giờ 30 phút thì T, C, S, Cường bị lực lượng chức năng phát hiện bắt quả tang và thu giữ 01 bóp bằng vải màu nâu kích thước 17x9,5cm; 01 khẩu súng tự chế ổ xoay, bên trong có 04 viên đạn; 01 túi ny lông nhiều màu sắc bên trên có ghi chữ Bánh, Gấu; kích thước 08x5,5cm; 01 túi ny long màu trắng, kích thước 6,5x4,5cm, bên trong chứa tinh thể màu trắng (nghỉ là chất ma túy); 01 hộp nhựa màu đen kích thước 15x5,5cm có ghi chữ mắt kính Sài Gòn, bên trong có 01 nắp nhựa màu đỏ có đục 02 lỗ nhỏ hình tròn, 01 ống nhựa màu trắng, 01 ống thủy tinh có 01 đầu hình tròn (dụng cụ sử dụng

ma túy); 01 điện thoại Nokia màu đen; 01 điện thoại cảm ứng hiệu Samsung màu trắng bạc; 01 điện thoại Nokia màu xám xanh.

Tại bản kết luận giám định số: 141/2019/GĐ-MT ngày 10/6/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Phước kết luận: Tinh thể màu trắng (ký hiệu M) được niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng là 2,0090 gam (hai phẩy không không chín gam).

Tại bản kết luận giám định số: 2917/C09B ngày 19/6/2019 của Phân viên khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận khẩu súng gửi giám định là súng tự chế, không có tính năng tác dụng tương tự như vũ khí quân dụng (do không bắn được đạn nổ).

Cáo trạng số: 65/CTr-VKS-BĐ ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố bị cáo Trần Văn M về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” được quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật hình sự năm 2015; Truy tố các bị cáo Phùng Mai T; Nguyễn Đức C; Lê Văn S về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” được quy định tại khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B giữ quyền công tố Nhà nước tại phiên tòa, sau khi xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa vẫn khẳng định các bị cáo có hành vi như nội dung bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Văn M phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” được quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật hình sự và đề xuất mức hình phạt đối với bị cáo M từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù; Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Phùng Mai T; Nguyễn Đức C; Lê Văn S phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” được quy định tại khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự và đề xuất mức hình phạt đối với bị cáo Phùng Mai T từ 24 đến 30 tháng tù; đề xuất mức hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Đức C, Lê Văn S từ 18 đến 24 tháng tù.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã truy tố, các bị cáo không tranh luận, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo, người liên quan

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện B, tỉnh Bình Phước, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và những người làm chứng. Do đó, hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng được thực hiện theo đúng quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Vào khoảng 08 giờ ngày 05/6/2019, Phùng Mai T cùng với Nguyễn Đức C, Lê Văn S sau khi thuê xe đi từ thị xã Phước Long đến huyện B, sau đó thuê nhà nghỉ Thu Hà thuộc ấp 7, xã TH, huyện B để nghỉ. Do có nhu cầu sử dụng ma túy nên T điện thoại cho Trần Văn M hỏi mua ma túy, T đưa cho S 1.700.000 đồng (một triệu bảy trăm ngàn) để S và C đi đến nhà M để lấy ma túy, khi đến nhà M thì M nói với S và C là “về đi, chiều mới có”. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, sau khi M đến nhà nghỉ Thu Hà gặp T, T nói với M “anh còn 1.700.000đ (một triệu bảy trăm nghìn đồng) em cầm đỡ, anh đưa tiền thiếu, còn tiền đồ hôm nay để anh tính sau” (số tiền 1.700.000đ là số tiền trả nợ trước đó cho M, còn tiền ma túy hôm nay T thiếu), M lấy tiền và ra về. Khoảng 20 giờ 30 phút thì T, C, S, Cường bị lực lượng chức năng phát hiện bắt quả tang về hành vi cất giữ ma túy.

Tại bản kết luận giám định số: 141/2019/GĐ-MT ngày 10/6/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Phước kết luận: Tinh thể màu trắng (ký hiệu M) được niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng là 2,0090 gam (hai phẩy không không chín gam).

Hành vi trên của bị cáo Trần Văn M đã phạm vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật hình sự.

Hành vi trên của các bị cáo Phùng Mai T; Nguyễn Đức C; Lê Văn S đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Cáo trạng số 65/CT-VKSBD ngày 28/11/2019 của VKSND huyện B và luận tội của Kiểm sát viên truy tố đối với các bị cáo là hoàn toàn đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Xét tính chất mức độ của hành vi: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến chế độ độc quyền quản lý chất ma túy của Nhà nước. Mua bán, tàng trữ và sử dụng chất ma túy gây nên các hệ quả xấu không chỉ đối với người sử dụng mà còn tác động tiêu cực đến xã hội, người sử dụng ma túy ngoài tác hại đến sức khỏe còn dẫn đến phát sinh các tệ nạn xã hội khác. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực để nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, điều này thể hiện rõ thái độ xem thường pháp luật. Do vậy, cần xử phạt các bị cáo mức án nghiêm khắc nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Vụ án mang tính chất đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo T là người khởi xướng, chủ động kêu M để hỏi mua ma túy, chủ động giao dịch với M. Bị cáo S C là đồng phạm tích cực cùng thực hiện tích cực hành động đến nhà M hỏi mua ma túy, cất giữ ma túy khi M đưa đến. Do vậy, bị cáo T phải chịu hình phạt cao hơn các bị cáo khác sau đó đến bị cáo S và C có mức hình phạt ngang nhau do mức độ hành vi là tương xứng nhau.

Tình tiết tăng nặng:

Đối với bị cáo Trần Văn M: Ngày 14/02/2017, bị Tòa án nhân dân huyện B xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục phạm tội nên

lần phạm tội này bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng là tái phạm được quy định tại điểm h khoản 1 khoản 2 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Các bị cáo Phùng Mai T, Nguyễn Đức C, Lê Văn S không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo T, C đang phải nuôi con nhỏ, T là lao động chính trong gia đình. Đây là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về mức hình phạt đối với bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với Mai Phạm Cường là đối tượng nghiện hút, chỉ sử dụng chung ma túy với T, C và S nhưng Cường không biết T, C, S trao đổi mua bán ma túy với M, không tham gia vào việc mua ma túy để sử dụng nên Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý hành chính đối với Cường là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

Đối với người tên Ba Sang (không xác định được nhân thân, lai lịch) là người cho Phùng Mai T mượn khẩu súng màu trắng ổ xoay có 4 viên đạn, tuy nhiên tại bản kết luận giám định số: 2917/C09B ngày 19/6/2019 của Phân viên khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận khẩu súng gửi giám định là súng tự chế, không có tính năng tác dụng tương tự như vũ khí quân dụng (do không bắn được đạn nổ). Do đó không xem xét hành vi tàng trữ vũ khí quân dụng đối với Phùng Mai T là có căn cứ.

Về vật chứng:

Đối với 01 bóp bằng vải màu nâu kích thước 17x9,5cm; 01 túi ny lông nhiều màu sắc bên trên có ghi chữ Bánh, Gấu; kích thước 08x5,5cm; 01 hộp nhựa màu đen kích thước 15x5,5cm có ghi chữ mắt kính Sài Gòn, bên trong có 01 nắp nhựa màu đỏ có đục 02 lỗ nhỏ hình tròn, 01 ống nhựa màu trắng, 01 ống thủy tinh có 01 đầu hình tròn (dụng cụ sử dụng ma túy). Là công cụ dùng vào việc phạm tội, liên quan đến việc phạm tội, xét thấy không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 phong bì màu trắng chứa ma túy sau giám định có dấu niêm phong, ký hiệu M1; có khối lượng: 1,5756 gam; đây là hàng cấm lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 khẩu súng tự chế ổ xoay, bên trong có 04 viên đạn, xét thấy không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại Nokia màu đen của bị cáo T và 01 điện thoại Sam sung màu xanh – đen của M là công cụ liên lạc dùng vào việc phạm tội, xét thấy còn giá trị sử dụng nên cần tuyên tịch thu sung quỹ nhà nước.

Đối với 01 điện thoại Nokia màu xanh. Đây là tài sản cá nhân của bị cáo Nguyễn Đức C, không liên quan đến vụ án nên cần trả lại cho bị cáo.

Đối với 01 điện thoại cảm ứng hiệu Sam sung màu trắng bạc của Mai Phạm Cường, không liên quan đến việc phạm tội, Cơ quan điều tra đã trả lại cho Mai Phạm Cường là có căn cứ, nên HĐXX không đặt ra xem xét

Về án phí: Các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Văn M phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; Tuyên bố các bị cáo Phùng Mai T; Nguyễn Đức C; Lê Văn S phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 50; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt Trần Văn M (M Á Đù) 03(ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (ngày 06/6/2019). Tiếp tục giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 17; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt Phùng Mai T(T bầu) 02(hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (ngày 05/6/2019). Tiếp tục giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Xử phạt Nguyễn Đức C 01(một) năm 06(sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (ngày 05/6/2019). Tiếp tục giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 17; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt Lê Văn S 01(một) năm 06(sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (ngày 05/6/2019). Tiếp tục giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

2. Về vật chứng

Áp dụng các Điều 47, Điều 48 BLHS, Điều 106 BLTTHS tuyên:

Tịch thu tiêu hủy 01 bóp bằng vải màu nâu kích thước 17x9,5cm; 01 túi ny lông nhiều màu sắc bên trên có ghi chữ Bánh, Gấu; kích thước 08x5,5cm; 01 hộp nhựa màu đen kích thước 15x5,5cm có ghi chữ mắt kính Sài Gòn, bên trong có 01 nắp nhựa màu đỏ có đục 02 lỗ nhỏ hình tròn, 01 ống nhựa màu trắng, 01 ống thủy tinh có 01 đầu hình tròn.

Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì màu trắng chứa ma túy sau giám định có dấu niêm phong, ký hiệu M1; có khối lượng: 1,5756 gam.

Tịch thu tiêu hủy 01 khẩu súng tự chế ổ xoay, bên trong có 04 viên đạn.

Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 điện thoại Nokia màu đen và 01 điện thoại Sam sung màu xanh – đen.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Đức C 01 điện thoại Nokia màu xanh.

(Số vật chứng trên đã được giao nhận cho Chi cục thi hành án dân sự dân sự huyện B theo Biên bản giao nhận vật chứng số 0007608 ngày 31/10/2019).

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức, thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, và lệ phí Tòa án.

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước
- VKSND huyện B

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

- Chi cục THADS huyện B;
- Công an huyện B;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án

Trần Văn Lượng